

**CÔNG TY
CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY
SẢN XUẤT KHẨU MINH HẢI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008



CÔNG TY KIỂM TOÁN DTL
© Thành viên của Horwath International

**CÔNG TY
CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY
SẢN XUẤT KHẨU MINH HẢI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008



CÔNG TY KIỂM TOÁN DTL

Thành viên của Horwath International

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám Đốc	1 – 3
Báo cáo kiểm toán	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2008	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008	10 – 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 – 25

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU MINH HẢI

BÁO CÁO TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Minh Hải (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình bản báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Minh Hải được thành lập theo:

- Giấy phép số 16-GP/UB ngày 16 tháng 05 năm 1998 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 058817 ngày 12 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ tám 08 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Trụ sở chính: Số 09, đường Cao Thắng, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Lĩnh vực kinh doanh:

- Chế biến kinh doanh thủy sản xuất khẩu và nội địa.
- Nuôi tôm, chế biến và xuất nhập khẩu thủy sản.
- Nhập nguyên liệu, vật liệu, phụ liệu và vật tư để sản xuất hàng xuất khẩu. Nhập khẩu máy móc, thiết bị để kinh doanh và phục vụ sản xuất và xuất khẩu.
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô (chỉ được kinh doanh khi đủ điều kiện kinh doanh)
- Nuôi trồng thủy sản.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 058817, đăng ký sửa đổi lần thứ tám là 153.227.230.000 VND

2. Thành viên của Hội đồng quản trị

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên

Chức danh

Ông Nguyễn Việt Cường

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Kawai Kenji

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Châu Thanh Triều

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Võ Thanh Hiệp

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Huỳnh Kim Oánh

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Tấn Dương

Thành viên Hội đồng quản trị

Bà Nguyễn Như Băng

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Lý Phước An

Thành viên Hội đồng quản trị

Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Thành viên Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU MINH HẢI

BÁO CÁO TỔNG GIÁM ĐỐC

3. Thành viên của Ban Giám đốc

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Ông Nguyễn Tấn Dương	Quyền Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm 01/7/08)
Ông Lê Văn Lưu	Quyền Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm 01/7/08)
Ông Châu Thanh Triều	Phó Tổng Giám đốc

4. Tình hình kinh doanh năm 2008

Các số liệu về tình hình kinh doanh trong năm 2008 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

5. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ hệ thống và chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất và sổ sách, chứng từ kế toán của công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

6. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU MINH HẢI

BÁO CÁO TỔNG GIÁM ĐỐC

7. Ý kiến của Tổng Giám Đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho niên độ kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt nam.

Cà Mau, ngày 07 tháng 04 năm 2008

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ VĂN LƯU

Số: 09.166/BCKT-2009

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị

Các thành viên Ban Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU MINH HẢI

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31/12/2008, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Minh Hải (dưới đây gọi tắt là Công ty). Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Minh Hải vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của niên độ kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 04 năm 2009


TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐẶNG XUÂN CẢNH

Chứng chỉ KTV số: Đ.0067/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN



BÙI VĂN BÔNG

Chứng chỉ KTV số: 0177/KTV

CÔNG TY CP CHẾ BIẾN THỦY SẢN XK MINH HẢI VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		360.810.764.879	417.603.022.801
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		36.465.890.519	7.245.109.224
1. Tiền	111	5.1	36.465.890.519	7.245.109.224
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	7.956.727.637	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		7.956.727.637	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130	5.3	120.914.703.227	168.134.302.125
1. Phải thu khách hàng	131		116.944.866.414	161.390.003.461
2. Trả trước cho người bán	132		2.671.830.219	5.661.748.791
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		1.298.006.594	1.085.810.680
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	(3.260.807)
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	186.981.262.614	231.020.589.225
1. Hàng tồn kho	141		186.981.262.614	231.020.589.225
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.492.180.882	11.203.022.227
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		317.414.911	671.442.640
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.973.365.459	8.816.314.126
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	3.097.982.041	247.588.763
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.103.418.471	1.467.676.698

(Phần tiếp theo trang 06)

CÔNG TY CP CHẾ BIẾN THỦY SẢN XK MINH HẢI VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		224.787.384.429	198.943.353.052
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		70.585.635.394	82.241.591.895
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	62.362.507.315	74.029.553.098
+ Nguyên giá	222		119.524.485.640	117.234.613.356
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(57.161.978.325)	(43.205.060.258)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.7	7.467.288.706	2.626.208.397
+ Nguyên giá	228		8.859.966.353	3.787.964.109
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.392.677.647)	(1.161.755.712)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	755.839.373	5.585.830.400
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	132.965.225.736	93.605.797.100
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	3.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		132.965.225.736	90.605.797.100
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Lợi thế thương mại	260	5.10	19.238.598.006	21.437.294.920
VI. Tài sản dài hạn khác	270		1.997.925.293	1.658.669.137
1. Chi phí trả trước dài hạn	271		1.883.054.300	1.658.669.137
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272		114.870.993	-
3. Tài sản dài hạn khác	278		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		585.598.149.308	616.546.375.853

CÔNG TY CP CHẾ BIẾN THỦY SẢN XK MINH HẢI VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		305.296.367.354	326.163.393.192
I. Nợ ngắn hạn	310		290.956.494.136	309.115.224.552
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	258.851.510.400	276.539.676.532
2. Phải trả người bán	312	5.12	22.272.112.048	15.993.360.983
3. Người mua trả tiền trước	313	5.12	2.042.014.601	905.972.364
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.13	2.406.798.900	12.468.595.306
5. Phải trả người lao động	315		2.790.660.285	2.511.339.905
6. Chi phí phải trả	316		442.700.233	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		2.150.697.669	696.279.462
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		14.339.873.218	17.048.168.640
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		2.140.000.000	1.346.500.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.14	12.000.000.000	15.514.500.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		199.873.218	187.168.640
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		278.453.466.653	288.199.614.713
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	276.527.491.827	284.393.560.738
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		153.227.230.000	139.297.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		97.954.499.200	97.954.499.200
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		4.240.136.040	1.725.847.836
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.154.513.984	6.720.534.376
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		487.567.364	907.309.865
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		13.463.545.240	37.787.869.461
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		1.925.974.826	3.806.053.975
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		1.925.974.826	3.806.053.975
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỎ ĐỒNG THIỂU SỐ	500		1.848.315.300	2.183.367.948
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		585.598.149.308	616.546.375.853

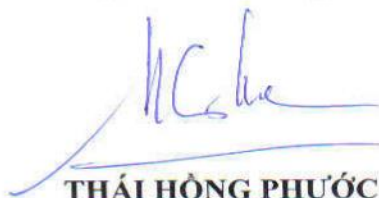
CÔNG TY CP CHẾ BIẾN THỦY SẢN XK MINH HẢI VÀ CÁC CÔNG TY CON BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
USD		385.090,24	289.584,97
AUD		1.050,00	1.400,00
EUR		6.485,75	1.251,00
KRW		82.000,00	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

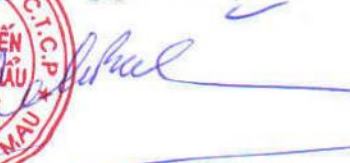
Kế toán trưởng


THÁI HỒNG PHƯỚC

Cà Mau, ngày 07 tháng 04 năm 2009



Tổng giám đốc


LÊ VĂN LƯU

CÔNG TY CP CHẾ BIẾN THỦY SẢN XK MINH HẢI VÀ CÁC CÔNG TY CON
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. Minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	918.895.745.110	1.159.954.450.717
2. Các khoản giảm trừ	02	6.1	6.168.018.544	3.077.685.713
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	912.727.726.566	1.156.876.765.004
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	826.931.752.495	1.050.560.199.151
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		85.795.974.071	106.316.565.853
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	21.169.882.740	29.997.040.559
7. Chi phí tài chính	22	6.4	45.995.769.020	22.509.919.981
trong đó, chi phí lãi vay	23		40.985.574.510	19.700.982.393
8. Chi phí bán hàng	24		47.322.143.980	42.973.471.003
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.215.718.971	8.918.119.631
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.432.224.840	61.912.095.797
11. Thu nhập khác	31		4.522.145.874	10.122.513.562
12. Chi phí khác	32		1.054.474.159	2.540.671.550
13. Lợi nhuận khác	40		3.467.671.715	7.581.842.012
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	50		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		5.899.896.555	69.493.937.809
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành		6.6	1.255.908.202	16.435.194.705
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại		6.7	(114.870.993)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		4.758.859.346	53.058.743.104
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số			133.715.082	330.723.742
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			4.625.144.264	52.728.019.363
18. Lãi cơ bản trên cổ phần		5.15	330	4.154

Kế toán trưởng


THÁI HỒNG PHƯỚC



Cà Mau, ngày 07 tháng 04 năm 2009

Tổng giám đốc


LÊ VĂN LƯU

CÔNG TY CP CHẾ BIẾN THỦY SẢN XK MINH HẢI VÀ CÁC CÔNG TY CON**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.899.896.555	69.493.937.809
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	-
Khấu hao tài sản cố định	02		14.188.840.002	12.550.522.744
Các khoản dự phòng	03		(3.260.807)	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(730.292.880)	1.298.047.803
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.623.779.620)	2.085.594.825
Chi phí lãi vay	06		40.985.574.510	19.756.619.022
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		53.716.977.760	105.184.722.203
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		8.099.497.309	(101.895.271.494)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		43.965.326.611	(106.313.114.314)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		9.680.915.369	(44.447.804.862)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		2.690.179.437	2.946.026.248
Tiền lãi vay đã trả	13		(40.985.574.510)	(19.756.619.022)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(11.720.923.781)	(5.946.745.296)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.931.772.559	2.356.500.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(3.724.689.717)	(5.570.767.675)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		63.653.481.037	(173.443.074.212)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.415.575.501)	(27.330.906.172)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		364.177.211	40.909.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(42.037.488.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		34.500.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(113.385.249.384)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.171.935.569	19.810.534.294
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.416.950.721)	(120.864.712.171)

CÔNG TY CP CHẾ BIẾN THỦY SẢN XK MINH HẢI VÀ CÁC CÔNG TY CON**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm nay
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		13.929.730.000	112.330.008.285
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(1.589.000.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.940.595.390.630	1.440.540.519.931
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.964.597.105.703)	(1.288.759.241.399)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(21.160.340.014)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(31.232.325.087)	262.522.286.817
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		29.004.205.229	(31.785.499.566)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		7.245.109.224	39.030.608.790
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		216.576.066	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		36.465.890.519	7.245.109.224

Kế toán trưởng



THÁI HỒNG PHƯỚC



Cà Mau, ngày 07 tháng 04 năm 2009

Tổng giám đốc



LÊ VĂN LƯU

CÔNG TY CP CHẾ BIẾN THUỶ SẢN XK MINH HẢI VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bảng thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của công ty

1.1. Tổng số công ty con

Số lượng các Công ty con được hợp nhất Báo cáo tài chính gồm 2 công ty như trình ở phần dưới đây

1.2. Danh sách các công ty con được hợp nhất

- Công ty cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất nhập khẩu Việt Cường
Địa chỉ: Ấp Kim Cầu, xã Vĩnh Trạch, thị xã Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ là 97,78%
Quyền biểu quyết của công ty mẹ là 97,78%
- Công ty cổ phần Vật tư và Bao bì Tiên Hải
Địa chỉ: Đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ là 72%
Quyền biểu quyết của công ty mẹ là 72%

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Các nguyên tắc hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các báo cáo Công ty con mà Công ty có quyền kiểm soát trên 50%. Danh sách các Công ty con được hợp nhất được nêu tại điểm 1.2.

Các Công ty con được thụ đắc trong năm được hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát đối với tài sản thuần và hoạt động của Công ty con được chuyển cho Công ty.

CÔNG TY CP CHẾ BIẾN THỦY SẢN XK MINH HẢI VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Các Công ty con thanh lý được hợp nhất đến ngày thanh lý.

Các số dư và nghiệp vụ nội bộ giữa các công ty trong tập đoàn bao gồm cả các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện được loại bỏ khi hợp nhất.

Vốn và thu nhập thuần của cổ đông thiểu số được trình bày một cách riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại thời điểm thụ đắc Công ty con, lợi thế thương mại được xác định là khoản chênh lệch giữa các chi phí đầu tư và giá trị thuần của những tài sản thuần có thể xác định. Lợi thế thương mại được trình bày thành một khoản mục riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất và được phân bổ vào chi phí trong báo cáo tài chính hợp nhất trong thời hạn là 10 năm.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

- Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối niên độ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

CÔNG TY CP CHẾ BIẾN THỦY SẢN XK MINH HẢI VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà xưởng	01 – 25 năm
+ Máy móc thiết bị	01 – 07 năm
+ Phương tiện vận tải	05 – 07 năm
+ Thiết bị dụng cụ quản lý	01 – 07 năm
+ Quyền sử dụng đất	05 – 20 năm

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn: Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

CÔNG TY CP CHẾ BIẾN THUỶ SẢN XK MINH HẢI VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ là 1-3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp.

4.8. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Nợ phải trả xác định nghĩa vụ hiện tại của doanh nghiệp khi doanh nghiệp nhận về một tài sản, tham gia một cam kết hoặc phát sinh các nghĩa vụ pháp lý.

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Ghi nhận cổ tức
Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế
Theo điều lệ hoạt động của Công ty

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.11. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của niên độ này.

(Phần tiếp theo trang 16)

CÔNG TY CP CHẾ BIẾN THUỶ SẢN XK MINH HẢI VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	167.325.552	150.821.131
Tiền gửi ngân hàng	36.298.564.967	7.094.288.093
Cộng	36.465.890.519	7.245.109.224

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn đến 31/12/2008 bao gồm:

Khoản tiền gửi có kỳ hạn 9 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn với số tiền 4.947.500.000 đồng, lãi suất 1%/ tháng.

Khoản tiền gửi bằng EUR có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín với số tiền 24.528,00 EUR tương đương 578.840.709 đồng, lãi suất 4,4/năm.

Khoản tiền cho vay vốn có thời hạn 6 tháng tại Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Cà Mau với số tiền 2.430.386.928 đồng, lãi suất 13%/ năm.

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	116.944.866.414	161.390.003.461
Trả trước cho người bán	2.671.830.219	5.661.748.791
Các khoản phải thu khác	1.298.006.594	1.085.810.680
Dự phòng phải thu khó đòi	-	(3.260.807)
Giá trị thuần của phải thu	120.914.703.227	168.134.302.125

5.4. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	2.773.151.740	2.555.002.033
Công cụ, dụng cụ	3.880.450.031	4.148.049.575
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	37.340.000	53.790.000
Thành phẩm	180.189.984.519	224.138.491.816
Hàng hoá	100.336.324	125.255.801
Cộng giá gốc hàng tồn kho	186.981.262.614	231.020.589.225

CÔNG TY CP CHẾ BIẾN THỦY SẢN XK MINH HẢI VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế TNDN nộp thừa	1.427.929.811	-
Thuế nhập khẩu hàng sản xuất xuất khẩu	1.670.052.230	-
Tổng cộng	3.097.982.041	-

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: 1000 VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	37.088.813	66.969.799	12.629.549	546.452	117.234.613
Mua trong năm	-	597.146	824.064	-	1.421.210
Đầu tư XDCB chuyển sang	-	1.180.088	-	-	1.180.088
Thanh lý, nhượng bán	-	270.000	-	-	270.000
Giảm khác	41.426	-	-	-	41.426
Số dư cuối năm	37.047.387	68.477.033	13.453.613	546.452	119.524.485
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	11.079.969	29.923.886	1.864.270	336.936	43.205.061
Khấu hao trong năm	4.342.826	8.024.185	1.529.772	115.789	14.012.572
Giảm khác	-	55.656	-	-	55.656
Số dư cuối năm	15.422.795	37.892.415	3.394.042	452.725	57.161.977
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	26.008.844	37.045.912	10.765.280	209.516	74.029.552
Tại ngày cuối năm	21.624.592	30.584.618	10.059.572	93.727	62.362.509

CÔNG TY CP CHẾ BIẾN THUỶ SẢN XK MINH HẢI VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hoá	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	3.680.848.307	107.115.802	3.787.964.109
Đầu tư XDCH chuyển sang	5.072.002.244	-	5.072.002.244
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư cuối năm	<u>8.752.850.551</u>	<u>107.115.802</u>	<u>8.859.966.353</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.138.091.360	23.664.352	1.161.755.712
Khấu hao trong năm	220.120.836	10.801.099	230.921.935
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư cuối năm	<u>1.358.212.196</u>	<u>34.465.451</u>	<u>1.392.677.647</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	2.542.756.947	83.451.450	2.626.208.397
Tại ngày cuối năm	<u>7.394.638.355</u>	<u>72.650.351</u>	<u>7.467.288.706</u>

5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí hình thành quyền sử dụng đất	-	5.000.000.000
Chi phí mua sắm tài sản cố định	755.839.373	493.430.400
Khác	-	92.400.000
Cộng	<u>755.839.373</u>	<u>5.585.830.400</u>

5.9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết	-	3.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	132.965.225.736	90.605.797.100
Giá trị thuần của đầu tư tái chính dài hạn	<u>132.965.225.736</u>	<u>93.605.797.100</u>

CÔNG TY CP CHẾ BIẾN THỦY SẢN XK MINH HẢI VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Các khoản đầu tư dài hạn khác đến 31/12/2008 như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Công ty CP Thủy Sản Kiên Giang	111.582.945.736	45.182.945.736
+ Công ty Camimex	15.038.280.000	14.650.800.000
+ Công ty CP Du Lịch Cà Mau	2.844.000.000	2.844.000.000
+ Công ty CP Bao Bì Hải Cường	3.500.000.000	500.000.000
+ Công ty CP CBTS & XNK Kiên Cường	-	24.427.603.649
+ Góp vốn mua xe lạnh (Cty Phú Cường)	-	3.000.447.715
Cộng	132.965.225.736	90.605.797.100

5.10. Lợi thế thương mại

	Cuối năm	Đầu năm
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất Công ty cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất nhập khẩu Việt Cường	16.124.799.952	17.967.634.234
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất Công ty cổ phần Vật tư và Bao bì Tiến Hải	3.113.798.054	3.469.660.687
Cộng	19.238.598.006	21.437.294.921

5.11. Vay và nợ ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngắn hạn	256.631.010.400	275.539.676.532
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.220.500.000	1.000.000.000
Cộng	258.851.510.400	276.539.676.532

Các khoản vay ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngắn hạn của Công ty cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Minh Hải	172.400.750.400	173.573.014.803
Vay ngắn hạn của Công ty cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất nhập khẩu Việt Cường	84.230.260.000	101.966.661.729
Cộng	256.631.010.400	275.539.676.532

CÔNG TY CP CHẾ BIẾN THỦY SẢN XK MINH HẢI VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.12. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	22.272.112.048	15.993.360.983
Người mua trả tiền trước	2.042.014.601	905.972.364
Cộng	24.314.126.649	16.899.333.347

5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	10.112.226	150.523.441
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	1.950.136.307	343.025.143
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.446.020	11.606.251.356
Thuế thu nhập cá nhân	262.983.111	302.711.909
Các loại thuế khác	149.121.236	66.083.457
Cộng	2.406.798.900	12.468.595.306

5.14. Các khoản vay và nợ dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	12.000.000.000	15.514.500.000
Cộng	12.000.000.000	15.514.500.000

Các khoản vay dài hạn đến được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Vay dài hạn của Công ty cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Minh Hải	7.000.000.000	7.000.000.000
Vay dài hạn của Công ty cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất nhập khẩu Việt Cường	5.000.000.000	8.000.000.000
Vay dài hạn của Công ty cổ phần Vật tư và Bao bì Tiên Hải	-	514.500.000
Cộng	12.000.000.000	15.514.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.15. Vốn chủ sở hữu

a. **Biến động của Vốn chủ sở hữu**

a. Biến động của Vốn chủ sở hữu							Đơn vị tính: 1.000 đồng		
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	103.335.800	14.186.191	8.055.661	(390.332)	-	2.152.229	262.726	2.538.861	130.141.136
Tăng vốn	35.961.700	83.768.308	2.671.047	(2.500.000)	-	4.639.384	1.043.777	-	125.584.216
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	-	-	64.117.107	64.117.107
Tăng khác	-	-	-	-	568.450	-	-	-	568.450
Giảm vốn năm trước	-	-	9.000.860	(2.890.332)	-	-	399.193	-	12.290.385
Giảm khác	-	-	-	-	568.450	71.079	-	28.868.098	29.507.627
Số dư đầu năm nay	139.297.500	97.954.499	1.725.848	-	-	6.720.534	907.310	37.787.870	284.393.561
Tăng trong năm nay	13.929.730	-	-	-	-	-	-	-	13.929.730
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	-	-	-	4.758.859	4.758.859
Tăng khác	-	-	2.521.879	-	-	457.130	148.591	245	3.127.845
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	571.088	29.446.467	30.017.555
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	7.591	-	-	23.150	(2.754)	363.039	335.052
Số dư cuối năm nay	153.227.230	97.954.499	4.240.136	-	-	7.154.514	487.567	13.463.546	276.527.492

CÔNG TY CP CHẾ BIẾN THUỶ SẢN XK MINH HẢI VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

b. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	153.227.230.000	139.297.500.000
Cộng	153.227.230.000	139.297.500.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay	Năm trước
▪ Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	139.297.500.000	103.335.800.000
+ Vốn góp tăng trong năm	13.929.730.000	35.961.700.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	153.227.230.000	139.297.500.000
▪ Cổ tức, lợi nhuận đã chia	27.859.500.000	-

d. Cổ phần

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	15.322.723	13.929.750
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	15.322.723	13.929.750
Số lượng cổ phần được mua lại		
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	15.322.723	13.929.750

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phần.

e. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế TNDN	4.625.144.264	52.728.019.363
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	14.017.526	12.693.312
Lãi cơ bản trên cổ phần	330	4.154

CÔNG TY CP CHẾ BIẾN THUỶ SẢN XK MINH HẢI VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

6.1. Doanh thu bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	914.887.599.214	1.155.832.924.937
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.008.145.896	4.121.525.780
Giảm giá hàng bán	(121.783.757)	(151.269.991)
Hàng bán bị trả lại	(6.046.234.787)	(2.926.415.722)
Doanh thu thuần	912.727.726.566	1.156.876.765.004

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	826.931.752.495	1.050.560.199.151
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	-
Cộng	826.931.752.495	1.050.560.199.151

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	3.003.665.273	1.447.786.473
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	6.014.253.132
Lãi chênh lệch tỷ giá	15.506.892.574	1.311.616.662
Đầu tư tài chính	2.659.324.893	20.490.103.649
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	733.280.643
Cộng	21.169.882.740	29.997.040.559

6.4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	40.985.574.510	19.700.982.393
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.926.581.861	2.808.937.588
Chi phí tài chính khác	83.603.649	-
Cộng	45.995.760.020	22.509.919.981

CÔNG TY CP CHẾ BIẾN THỦY SẢN XK MINH HẢI VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.5. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	808.366.946.190	918.273.699.408
Chi phí nhân công	29.699.536.141	32.593.705.902
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.243.495.836	12.550.522.744
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.298.430.078	56.342.914.406
Chi phí khác bằng tiền	14.691.995.454	15.712.535.305
Cộng	916.300.403.699	1.035.473.377.765

6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	1.255.908.202	16.435.194.705
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của các năm trước	-	-
Tổng cộng	1.255.908.202	16.435.194.705

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Là khoản chi phí thuế hoãn lại liên quan đến chi phí trích trước chưa chi.

(Phần tiếp theo trang 25)

CÔNG TY CP CHẾ BIẾN THỦY SẢN XK MINH HẢI VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

7. Những thông tin khác

7.1. Thu nhập của Ban Giám đốc và thù lao Hội đồng quản trị

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập Ban Giám đốc	260.000.000	306.886.900
Thù lao Hội đồng quản trị	325.386.600	345.346.200
Tổng cộng	585.386.600	652.233.100

7.2. Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện nào quan trọng sau ngày kết thúc niên độ đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất năm 2008.

7.3. Những thông tin khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2008 đã được Quyền Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành vào ngày 07/04/2009.

Cà Mau, ngày 07 tháng 04 năm 2009

Kế toán trưởng


THÁI HỒNG PHƯỚC



Q. Tổng Giám đốc


LÊ VĂN LƯU

